

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 8 năm 2025
(Kèm theo thông báo số: /TB-TTHN ngày tháng 8 năm 2025)

ĐVT: đồng																				
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp TNVK	% PCU ĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản		Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
												Lương	PCCV			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	9	10	11	12	13	14	15	17	18	20	22	24	26	D
	Phần I		173,23	4,60	5,20	1,30	0,0000		68,02	252,35	590.487.300	3.523.950	0	3.523.950	2.869.043	33.288.840	6.241.658	4.161.105	540.402.704	
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6,10	0,70				20%	1,36	8,16	19.094.400	0	0	0		1.272.960	238.680	159.120	17.423.640	
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	4,98	0,60				40%	2,23	7,81	18.280.080	0	0	0		1.044.576	195.858	130.572	16.909.074	
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4,32	0,30				40%	1,85	6,47	15.135.120	0	0	0	0	864.864	162.162	108.108	13.999.986	
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	3,99					20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0		746.928	140.049	93.366	10.223.577	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3,26		0,20			20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	0	61.043	610.272	114.426	76.284	8.760.055	Ct 3 ngày
6	Nguyễn Xuân Trường	V.06.031	4,32	0,40		0,20		20%	0,94	5,86	13.721.760	0	0	0	0	883.584	165.672	110.448	12.562.056	
7	Cao Thanh Sang	V.06.031	3,99	0,30				20%	0,86	5,15	12.046.320	0	0	0	0	803.088	150.579	100.386	10.992.267	
8	Trần Thị Bích Phượng	V.06.031	3,99					20%	0,80	4,79	11.203.920	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	10.223.577	
9	Nguyễn Thủy Kiều	V.06.032	3,65					20%	0,73	4,38	10.249.200	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	9.352.395	
10	Nguyễn Thị Kim Định	V.06.031	2,67					20%	0,53	3,20	7.497.360	0	0	0	0	499.824	93.717	62.478	6.841.341	
11	Phan Thị Hiền Lương	V.06.031	3,00					20%	0,60	3,60	8.424.000	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	V.06.032	3,34			0,10		20%	0,67	4,11	9.612.720	0	0	0		625.248	117.234	78.156	8.792.082	
13	Nguyễn Thị Ánh Duyên	V.06.032	3,34					20%	0,67	4,01	9.378.720	0	0	0		625.248	117.234	78.156	8.558.082	
14	Huỳnh Thị Yến Vi	V.06.032	1,79					0%	0,00	1,79	4.176.900	0	0	0	0	334.152	62.654	41.769	3.738.325	
	Cộng		52,735	2,30	0,20	0,30	0,0000		12,69	68,23	159.646.500	0	0	0	61.043	10.302.552	1.931.729	1.287.819	146.063.357	
15	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20			60%	2,57	7,06	16.529.760	0	0	0	101.739	803.088	150.579	100.386	15.373.968	Ct 5 ngày
16	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	0,00		0,00	0,00		60%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ ốm
17	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3,66						0,00	3,66	8.564.400	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	7.665.138	Đi học
18	Nguyễn Thị Ban	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30		60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	20.348	683.280	128.115	85.410	13.918.447	P 1 ngày
19	Trịnh Thị Thúy Nga	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30		60%	2,00	5,84	13.674.960	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	12.854.322	
20	Huỳnh Văn Vân	V.08.07.18	3,99					50%	2,00	5,99	14.004.900	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.024.557	
21	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	4,32					40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	

22	Nguyễn Bá Tông	V.08.05.12	3,99	0,30				40%	1,72	6,01	14.054.040	0	0	0	0	803.088	150.579	100.386	12.999.987	
23	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.12	3,99		0,20			40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
24	Lê Nhất Linh	V.08.05.13	3,65		0,20			40%	1,46	5,31	12.425.400	0	0	0	20.348	683.280	128.115	85.410	11.508.247	P 1 ngày
25	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3,34			0,10		40%	1,34	4,78	11.175.840	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.355.202	
26	Nguyễn Thị Phương	V.08.06.15	3,66			0,10		40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
27	La Thị Dũng	V.08.06.15	3,99		0,20	0,10		40%	1,60	5,89	13.773.240	0	0	0	81.391	746.928	140.049	93.366	12.711.506	P 4 ngày
28	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10		40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	0	101.739	685.152	128.466	85.644	11.691.159	P 5 ngày
29	Trần Thị Thường	V.08.06.15	3,99	0,30	0,20			40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	0	803.088	150.579	100.386	13.467.987	
30	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	3,99	0,30	0,20			40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	468.000	803.088	150.579	100.386	12.999.987	
31	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	427.304	685.152	128.466	85.644	11.131.594	Tr 2 ngày
32	Nguyễn Thị Kim Phương	V.08.05.12	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	406.957	685.152	128.466	85.644	11.151.941	Tr 3 ngày
33	Nguyễn Thị Lê Thủy	V.08.06.16	3,65		0,20	0,00		40%	1,46	5,31	12.425.400	821.250	0	821.250	406.957	683.280	128.115	85.410	10.300.388	Ô 3 ngày, Tr 3 ngày
34	Lê Thị Thuý Cẩm	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20			50%	2,74	8,42	19.702.800	0	0	0	0	1.025.856	192.348	128.232	18.356.364	
35	Trần Thị Mỹ Lân	V.08.05.13	3,96					50%	1,98	5,94	13.899.600	2.702.700	0	2.702.700	0	741.312	138.996	92.664	10.223.928	Ô 7 ngày
36	Nguyễn Thị Nở	V.08.05.13	3,65					50%	1,83	5,48	12.811.500	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.914.695	
37	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
38	Trịnh Thị Mỹ Luận	V.08.05.13	3,34		0,20			40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	122.087	625.248	117.234	78.156	10.467.115	P 6 ngày
39	Dương Thành Tứ	V.08.01.03	4,98	0,30	0,40			70%	3,70	9,38	21.939.840	0	0	0	0	988.416	185.328	123.552	20.642.544	
40	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3,66		0,40			60%	2,20	6,26	14.639.040	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	13.739.778	
41	Vô Thị Lành	V.08.05.13	3,34		0,40			60%	2,00	5,74	13.440.960	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	12.620.322	
42	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3,65		0,40			60%	2,19	6,24	14.601.600	0	0	0	325.565	683.280	128.115	85.410	13.379.230	P 8 ngày
43	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3,66	0,40				40%	1,62	5,68	13.300.560	0	0	0	0	760.032	142.506	95.004	12.303.018	
44	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
45	Nguyễn Thị Phương	V.08.05.13	3,34					40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
46	Đỗ Thị Ngọc Hiền	V.08.08.22	2,34					40%	0,94	3,28	7.665.840	0				438.048	82.134	54.756	7.090.902	
47	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18						40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghi ốm
48	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3,99		0,40			40%	1,60	5,99	14.007.240	0	0	0	325.565	746.928	140.049	93.366	12.701.332	P 8 ngày
	Cộng		120,49	2,30	5,00	1,00	0,0000	15,30	55,33	184,12	430.840.800	3.523.950	0	3.523.950	2.808.000	22.986.288	4.309.929	2.873.286	394.339.347	
	Phần II		384,35	7,30	12,40	3,30	0,7454		160,30	568,40	1.330.059.651	2.141.100	175.500	2.316.600	5.916.134	73.456.981	13.773.186	9.182.123	1.225.414.627	
49	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4,74	0,60				40%	2,14	7,48	17.493.840	0	0	0	0	999.648	187.434	124.956	16.181.802	
50	Nguyễn Thị Kim Luyện	V.08.05.12	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
51	Đỗ Minh Mẫn	V.08.04.10	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0		0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
52	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4,27					40%	1,71	5,98	13.988.520	0	0	0	0	799.344	149.877	99.918	12.939.381	
53	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	3,00					20%	0,60	3,60	8.424.000	0		0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	

54	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	3,99	0,40				40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
55	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
56	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
57	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	1,92						0,00	1,92	4.495.140	0	0	0	0	359.611	67.427	44.951	4.023.151	
58	Lê Thị Diễm My	01.003	3,33					20%	0,67	4,00	9.350.640	0		0	0	623.376	116.883	77.922	8.532.459	
59	Đặng Thị Kim Thi	02.007	3,00					20%	0,60	3,60	8.424.000	0		0	0	561.600	105.300	70.200	7.686.900	
60	Đinh Văn Đất	01.003	1,99					0%	0,00	1,99	4.654.260	0		0	0	372.341	69.814	46.543	4.165.562	
61	Huỳnh Văn Chương	01.003	1,99					0%	0,00	1,99	4.654.260	0		0	0	372.341	69.814	46.543	4.165.562	
62	Trần Thị Thúy Song	V06.031	3,66					20%	0,73	4,39	10.277.280	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	9.378.018	
	Cộng		46,5290	1,00	0,00	0,00	0,0000		14,05	61,58	144.104.220	0	0	0	0	8.897.429	1.668.268	1.112.179	132.426.344	
63	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20			60%	3,08	8,42	19.712.160	0	0	0	0	962.208	180.414	120.276	18.449.262	
64	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5,08	0,30	0,20			60%	3,23	8,81	20.610.720	0	0	0	142.435	1.007.136	188.838	125.892	19.146.419	P 5 ngày, Ct 2 ngày
65	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	2,67		0,20	0,30		60%	1,60	4,77	11.166.480	0	0	0	122.087	499.824	93.717	62.478	10.388.374	P 6 ngày
66	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2,67						0,00	2,67	6.247.800	0		0	0	499.824	93.717	62.478	5.591.781	Đi học
67	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3,66		0,20	0,30		60%	2,20	6,36	14.873.040	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	13.973.778	
68	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3,65		0,20	0,30		60%	2,19	6,34	14.835.600	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	13.938.795	
69	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	3,00		0,20	0,30		60%	1,80	5,30	12.402.000	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	11.664.900	
70	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3,34		0,20	0,30		60%	2,00	5,84	13.674.960	0	0	0	122.087	625.248	117.234	78.156	12.732.235	P 6 ngày
71	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	2,41		0,20	0,30		60%	1,45	4,36	10.193.040	0	0	0	101.739	451.152	84.591	56.394	9.499.164	P 5 ngày
72	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2,34		0,20	0,30		60%	1,40	4,24	9.930.960	0	0	0	122.087	438.048	82.134	54.756	9.233.935	P 6 ngày
73	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3,96		0,20	0,30		60%	2,38	6,84	15.996.240	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	15.023.268	
74	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2,10		0,20	0,30		60%	1,26	3,86	9.032.400	0		0	0	393.120	73.710	49.140	8.516.430	
75	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	1,79						0,00	1,79	4.176.900	0		0	0	334.152	62.654	41.769	3.738.325	
76	Đặng Anh Tuyển	V.08.01.03	4,98	0,40	0,20		0,2988	40%	2,27	8,15	19.071.749	0	0	0	0	1.063.071	199.326	132.884	17.676.468	
77	Lưu Trọng Ảnh	V.08.01.03	2,67		0,20			40%	1,07	3,94	9.214.920	0	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.558.901	
78	Đỗ Thị Ngọc Hào	V.08.05.12	3,33		0,20			40%	1,33	4,86	11.377.080	0	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.558.899	
79	Nguyễn Thị Mộng Thúy	V.08.05.12	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
80	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3,33						0,00	3,33	7.792.200	0	0	0	0	623.376	116.883	77.922	6.974.019	Đi học
81	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3,33	0,30	0,20			50%	1,82	5,65	13.209.300	0	0	0	0	679.536	127.413	84.942	12.317.409	
82	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3,33	0,30					0,00	3,63	8.494.200	0	0	0	0	679.536	127.413	84.942	7.602.309	Đi học
83	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.12	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.558.898	
84	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3,66					50%	1,83	5,49	12.846.600	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.947.338	
85	Lê Thị Thanh Tuyển	V.08.05.12	3,99					50%	2,00	5,99	14.004.900	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	13.024.557	
86	Phạm Thị Lệ	V.08.05.13	2,10					40%	0,84	2,94	6.879.600	0	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.363.630	

87	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5,08	0,40	0,20			40%	2,19	7,87	18.420.480	0	0	0	0	1.025.856	192.348	128.232	17.074.044	
88	Trần Thị An	V.08.01.02	5,42	0,30	0,20			40%	2,29	8,21	19.206.720	0	0	0	0	1.070.784	200.772	133.848	17.801.316	
89	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	3,00			0,00		40%	1,20	4,20	9.828.000	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.090.900	
90	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10		40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	0	20.348	685.152	128.466	85.644	11.772.550	P 1 ngày
91	Nguyễn Thị Hương	V.08.06.16	3,65			0,10		40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.294.595	
92	Đinh Thị Thôm	V.08.06.15	3,66			0,10		40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	Chuyển ngạch
93	Nguyễn Thị Thanh Thủy	V.08.06.15	3,66		0,20	0,10		40%	1,46	5,42	12.692.160	0	0	0	122.087	685.152	128.466	85.644	11.670.811	P 6 ngày
94	Nguyễn Thị Lắm	V.08.06.15	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
95	Nguyễn Thị Bích Nhị	V.08.06.16	4,06				0,4466	40%	1,80	6,31	14.763.622	0	0	0	0	843.636	158.182	105.454	13.656.350	
96	Huỳnh Thị Kim Xuyên	V.08.06.15	4,98	0,30				40%	2,11	7,39	17.297.280	0	0	0	0	988.416	185.328	123.552	15.999.984	
97	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.15	4,32			0,10		40%	1,73	6,15	14.386.320	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.324.896	
98	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3,66			0,10		40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
99	Nguyễn Thị Thủy	V.08.06.15	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0				685.152	128.466	85.644	11.090.898	
100	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4,74	0,40	0,20			40%	2,06	7,40	17.306.640	0	0	0	406.957	962.208	180.414	120.276	15.636.785	Tr 3 ngày
101	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20			40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	447.652	803.088	150.579	100.386	13.020.335	Tr 1 ngày
102	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4,98		0,20			40%	1,99	7,17	16.782.480	0	0	0	427.304	932.256	174.798	116.532	15.131.590	Tr 2 ngày
103	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2,72		0,20			40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	0	406.957	509.184	95.472	63.648	8.303.459	Tr 3 ngày
104	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.12	3,00		0,20			40%	1,20	4,40	10.296.000	0	0	0	406.957	561.600	105.300	70.200	9.151.943	Tr 3 ngày
105	Lê Thị Mỹ Diễm	V.08.05.12	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0		0	427.304	685.152	128.466	85.644	11.131.594	Tr 2 ngày
106	Phạm Thị Loan	V.08.05.12	3,66		0,20			40%	1,46	5,32	12.458.160	0	0	0	406.957	685.152	128.466	85.644	11.151.941	Tr 3 ngày
107	Trương Thị Bích Phương	V.08.05.13	2,72		0,20			40%	1,09	4,01	9.378.720	0	0	0	406.957	509.184	95.472	63.648	8.303.459	Tr 3 ngày
108	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2,10		0,20			40%	0,84	3,14	7.347.600	0	0	0	406.957	393.120	73.710	49.140	6.424.673	Tr 3 ngày
109	La Thị Nhân	V.08.01.03	3,99	0,30	0,20			40%	1,72	6,21	14.522.040	0	0	0	0	803.088	150.579	100.386	13.467.987	
110	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3,66	0,30	0,20			40%	1,58	5,74	13.440.960	0	0	0	122.087	741.312	138.996	92.664	12.345.901	Nb 1 ngày , P 5 ngày
111	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2,34					50%	1,17	3,51	8.213.400	0			0	438.048	82.134	54.756	7.638.462	
112	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3,34					50%	1,67	5,01	11.723.400	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.902.762	
113	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3,34		0,20			40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	40.696	625.248	117.234	78.156	10.548.506	P 2 ngày
114	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.12	3,00					50%	1,50	4,50	10.530.000	0	0	0	0	561.600	105.300	70.200	9.792.900	
115	Nguyễn Thị Minh Khả	V.08.05.12	3,99		0,20			40%	1,60	5,79	13.539.240	0			0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
116	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3,65		0,20			50%	1,83	5,68	13.279.500	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	12.382.695	
117	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	1,79						0,00	1,79	4.176.900	0	0	0	0	334.152	62.654	41.769	3.738.325	
118	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4,32		0,40			70%	3,02	7,74	18.120.960	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	17.059.536	
119	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3,66	0,30	0,40			60%	2,38	6,74	15.762.240	2.141.100	175.500	2.316.600	447.652	741.312	138.996	92.664	12.025.016	Ô 6 ngày, P 5 ngày

120	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	3,96		0,40			70%	2,77	7,13	16.688.880	0	0	0	142.435	741.312	138.996	92.664	15.573.473	P 3,5 ngày
121	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13	2,41		0,40			60%	1,45	4,26	9.959.040	0	0	0	0	451.152	84.591	56.394	9.366.903	
122	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	2,10					40%	0,84	2,94	6.879.600	0	0	0	0	393.120	73.710	49.140	6.363.630	
123	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3,66	0,30				40%	1,58	5,54	12.972.960	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	11.999.988	
124	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3,26					40%	1,30	4,56	10.679.760	0	0	0	0	610.272	114.426	76.284	9.878.778	
125	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4,32					40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
126	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	2,72					40%	1,09	3,81	8.910.720	0	0	0	0	509.184	95.472	63.648	8.242.416	
127	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3,33					40%	1,33	4,66	10.909.080	0			0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
128	Trần Thị Đua	V.08.07.19	2,72					40%	1,09	3,81	8.910.720	0			0	509.184	95.472	63.648	8.242.416	
129	Trần Bền Thơm		1,99						0,00	1,99	4.654.260	0			0	372.341	69.814	46.543	4.165.562	
130	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3,99	0,40				40%	1,76	6,15	14.381.640	0	0	0	0	821.808	154.089	102.726	13.303.017	
131	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3,26		0,20			20%	0,65	4,11	9.622.080	0	0	0	0	610.272	114.426	76.284	8.821.098	
132	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	3,99		0,20			40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
133	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3,34					40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
134	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3,34					40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
135	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3,66					40%	1,46	5,12	11.990.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.090.898	
136	Võ Thị Kim Phượng	V.08.08.23	3,33					40%	1,33	4,66	10.909.080	0	0	0	0	623.376	116.883	77.922	10.090.899	
137	Võ Thị Ai Vân	V.08.08.23	3,34		0,20			40%	1,34	4,88	11.409.840	0	0	0	30.522	625.248	117.234	78.156	10.558.680	Ct 1,5 ngày
138	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2,67					40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
139	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2,67					40%	1,07	3,74	8.746.920	0	0	0	0	499.824	93.717	62.478	8.090.901	
140	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4,74	0,30				40%	2,02	7,06	16.511.040	0	0	0	0	943.488	176.904	117.936	15.272.712	
141	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3,34					40%	1,34	4,68	10.941.840	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	10.121.202	
142	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4,32		0,20			40%	1,73	6,25	14.620.320	0	0	0	101.739	808.704	151.632	101.088	13.457.157	P 5 ngày
143	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4,32		0,00			40%	1,73	6,05	14.152.320	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.090.896	
144	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13	1,79						0,00	1,79	4.176.900	0		0	0	334.152	62.654	41.769	3.738.325	
145	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4,32		0,30			40%	1,73	6,35	14.854.320	0	0	0	0	808.704	151.632	101.088	13.792.896	
146	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3,99		0,20			40%	1,60	5,79	13.539.240	0	0	0	0	746.928	140.049	93.366	12.558.897	
147	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3,33	0,30	0,20			40%	1,45	5,28	12.359.880	0	0	0	142.435	679.536	127.413	84.942	11.325.554	H 7 ngày
148	Nguyễn Hồng Vân	V.08.07.18	4,98		0,30			60%	2,99	8,27	19.347.120	0	0	0	0	932.256	174.798	116.532	18.123.534	
149	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3,66		0,30			70%	2,56	6,52	15.261.480	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	14.362.218	
150	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3,65					40%	1,46	5,11	11.957.400	0	0	0	0	683.280	128.115	85.410	11.060.595	
151	Phan Thị Thủy	V.08.06.16	3,65		0,10			40%	1,46	5,21	12.191.400	0	0	0	10.174	683.280	128.115	85.410	11.284.421	P 1 ngày
152	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3,34		0,10			40%	1,34	4,78	11.175.840	0	0	0	5.087	625.248	117.234	78.156	10.350.115	P 0,5 ngày
153	Trần Thành Kiểm	V.08.07.19	3,96		0,40			40%	1,58	5,94	13.908.960	0	0	0	0	741.312	138.996	92.664	12.935.988	

154	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4,74	0,30	0,10			40%	2,02	7,16	16.745.040	0	0	0	10.174	943.488	176.904	117.936	15.496.538	P 1 ngày
155	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5,08	0,40	0,10			40%	2,19	7,77	18.186.480	0	0	0	40.696	1.025.856	192.348	128.232	16.799.348	P 4 ngày
156	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3,66		0,10			40%	1,46	5,22	12.224.160	0	0	0	0	685.152	128.466	85.644	11.324.898	
157	Trần Thị Phương	V.08.07.18						40%	0,00	0,00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Nghi TS
158	Nguyễn Hữu Quảng	V.08.07.18	3,00		0,40			40%	1,20	4,60	10.764.000	0	0	0	325.565	561.600	105.300	70.200	9.701.335	P 8 ngày
159	Đặng Vũ	V.08.07.19	3,34		0,40			40%	1,34	5,08	11.877.840	0	0	0	0	625.248	117.234	78.156	11.057.202	
	Cộng		337,82	6,30	12,40	3,30	0,7454	40,20	146,25	506,82	1.185.955.431	2.141.100	175.500	2.316.600	5.916.134	64.559.552	12.104.918	8.069.944	1.092.988.283	
	Tổng cộng I+II		557,58	11,90	17,60	4,60	0,7454		228,323	820,75	1.920.546.951	5.665.050	175.500	5.840.550	8.785.177	106.745.821	20.014.844	13.343.228	1.765.817.331	

Tổng số tiền bằng chữ : Một tỷ bảy trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi một đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT Hoài Nhơn
Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỢP THEO LƯƠNG (2.340.000)

Tháng 8 năm 2025

ĐVT: đồng																				
STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp TNVK	% PCƯ ĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản		Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH	BHYT	BHTN	Số thực lĩnh	Ghi chú
												Lương	PCCV			Trừ vào lương (8%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trừ vào lương (1%)		
A	B	C	1	2	6	7	9	10	11	12	13	14	15	17	18	20	22	24	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1.005	4,03				0,00	20%	0,81	4,84	11.316.240	0		0		754.416	141.453	94.302	10.326.069	
	Cộng		4,03	0,0	0,0	0,0	0,00		0,81	4,84	11.316.240	0	0	0	0	754.416	141.453	94.302	10.326.069	

Tổng số tiền bằng chữ : Mười triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi chín đồng chẵn.

